TRASLATE INTO VIETNAMESE:

I live in a friendly neighbourhood in the countryside.

Tôi sống ở 1 vùng thân thiện ở ……..

Although it is not very big, it has everything my family needs.

Mặc dù nó không quá ……., nó có ……

There is a small department store near my house, so my mother can buy food and drinks easily. Có 1 của hàng bách hóa nhỏ ……..vì vậy me tôi có thể ……thức ăn và đồ uống.

There is also a primary school opposite the communal house

Có 1 trường tiểu học ……nhà văn hóa

My favourite place is the communal house

Chổ ……của tôi là …….

It is only a five minute walk from my house.

Nó chỉ 5 phút ……..từ nhà tôi

In the afternoon, many children play games there, and older people often walk or do exercise.

Vào buổi chiều nhiều bọn trẻ ……các trò chơi ở đó, người già thường ……và …….

My neighbours are very friendly and helpful.

Hàng xóm tôi thì ……và sẵn lòng giúp đỡ

They usually greet each other and help one another when someone has a problem.

Họ luôn luôn …….nhau và ……khi ai có vấn đề

However, there is one thing I don't like about my neighbourhood.

Tuy nhiên có 1 thứ tôi không thích về chổ tôi ở

The roads are sometimes dirty and not safe because there are many motorbikes.

Đường bẩn và không an toàn vì có nhiều xe máy

I hope the local government will make the roads safer and plant more trees along the streets.

Tôi hy vọng chính quyền địa phương sẽ làm đường an toàn hơn và trồng thêm cây và hoa dọc đường

MAKE SENTENCES IN ENGLISH

1. Tôi sống ở 1 vùng nhỏ nhưng đẹp .

I live in a …….but ……. ……..

2. Nó yên tĩnh và yên bình - It's …….and ……..

3. Có nhiều cây và hoa dọc đường There are many ……and ……..

LIVEWORKSHEETS

4. Có 1 vài cửa hàng bách hóa gần nhà tôi nơi gia đình tôi có thể mua mọi thứ

There are some ……near my house Where my family ……

5. Chổ yêu thích của tôi là nhà văn hóa - My favourite …….is the ……house

6. Nó chỉ 5 phút đi bộ từ nhà tôi It's only 5……walk ……

7. Vào buổi tối , trẻ chơi chơi trò chơi, người già đi bộ và tập thể dục ở đó

In the evening, children play ……, old people ……..and do……..there

8. Tuy nhiên có 1 thứ tôi ghét về chổ tôi ở

…….., there is one thing I ……about my neighbourhood

9. 1 sô đường phố thỉnh thoảng rất bẩn

Some streets are sometimes very……

10. Tôi hi vọng chính quyền địa phương sẽ làm chúng sạch sẽ trong tương lai.

I hope local government will make them ……..

LIVEWORKSHEETS